

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 741/2021/DS-PT

Ngày: 30/12/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Tuấn;

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Quyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (số 26 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 262/2021/TLPT- DS ngày 22 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1495/2021/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4292/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 9997/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vũ Đình C, sinh năm 1954

Địa chỉ: Số 24 đường T, Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông C ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975, địa chỉ: Số 43 đường G, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh làm đại diện. (có mặt)
(văn bản ủy quyền ngày 17/8/2020).

- Bị đơn: Bà Tạ Thị L, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 54 Đường S, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.
(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/8/2020 và trong quá trình tố tụng, ông Vũ Đình C - nguyên đơn và bà Nguyễn Thị H - là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/8/2019, ông C có cho bà Tạ Thị L vay số tiền là 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng, thời hạn vay là 30 (ba mươi) ngày, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Sau khi nhận tiền, bà L vi phạm cam kết, không thanh toán bất kỳ khoản nợ gốc và lãi nào nên ông C khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền tổng cộng 2.100.000.000 (hai tỷ một trăm triệu) đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng và lãi tạm tính đến ngày 31/5/2021 (20 tháng) là 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng.

Ông C xác định chỉ yêu cầu cá nhân bà L có trách nhiệm trả số tiền nói trên.

Đối với yêu cầu phạt vi phạm với số tiền là 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng, ông C đã rút lại không yêu cầu nữa.

Bà Tạ Thị L – bị đơn trình bày:

Bà và ông C có mối quan hệ làm ăn với nhau từ trước đó. Năm 2019, cả hai thỏa thuận cùng mua chung một phần đất nhưng sau khi bà đặt cọc cho bên bán thì ông C đổi ý không mua; do sợ mất số tiền đã đặt cọc nên ngày 16/8/2019 bà có ký giấy vay của ông C 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng với thời hạn vay là 30 (ba mươi) ngày, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng; sau khi nhận tiền bà có trả cho ông C 02 tháng tiền lãi (từ ngày 16/8/2019 đến ngày 16/10/2019) là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Bà L chỉ đồng ý trả cho ông C số nợ gốc là 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng và tiền lãi còn thiếu của 02 tháng là 10.000.000 (mười triệu) đồng bằng hình thức trả dần mỗi tháng 10.000.000 (mười triệu) đồng, bà L không đồng ý trả lãi từ ngày 17/10/2019 đến nay vì không có khả năng.

Bà L xác định đây là khoản nợ riêng của cá nhân bà, không liên quan đến chồng bà là ông Đỗ Đình H.

Đối với việc ông C rút yêu cầu phạt vi phạm, bà L không có ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1495/2021/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 465, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, Điều 470 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ điểm đ khoản 1, Điều 12 và khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 3/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Đình C.

Buộc bà Tạ Thị L có trách nhiệm trả cho ông Vũ Đình C số tiền là 2.100.000.000 (hai tỷ một trăm triệu) đồng (bao gồm nợ gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi là 600.000.000 đồng). Thi hành một lần khi Bản án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả số tiền nói trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền tính trên nghĩa vụ chi trả. Nếu các bên không có thỏa thuận thì lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông C về việc buộc bà L phải trả số tiền phạt do vi phạm.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 14/6/2021, bà Tạ Thị L kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm đối với số tiền lãi bà phải trả cho ông Vũ Đình C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Tạ Thị L giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng bà chỉ trả cho ông C là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng tiền lãi với các lý do:

+ Nguyên đơn chỉ yêu cầu bà trả 20 tháng tiền lãi tính trên số tiền nợ gốc với lãi suất là 2%/tháng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc bà trả lãi quá hạn, nợ lãi trên nợ lãi là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của nguyên đơn;

+ Nguyên đơn yêu cầu bà trả lãi với lãi suất 2%/tháng là vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên phần tiền lãi vượt quá không có hiệu lực.

Ngoài ra, bà L còn trình bày hiện tại tình hình kinh tế của bà rất khó khăn, không đủ khả năng thanh toán một lần nên đề nghị tổng số nợ vốn và lãi bà sẽ thanh toán cho ông C trong thời hạn 05 năm.

Phần tiền nợ gốc bà xác định còn nợ ông C số tiền là 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng nên không có ý kiến gì đối với Bản án sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị H - đại diện nguyên đơn ông Vũ Đình C không rút đơn khởi kiện, không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Tạ Thị L đồng thời đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với phần nợ vốn.

Riêng phần tiền lãi, nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả lãi đến ngày xét xử phúc thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng nguyên tắc xét xử, đảm bảo cho các bên đương sự được phát biểu ý kiến, trình bày quan điểm và tranh luận; các đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Tạ Thị L còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên hợp lệ.

- Về nội dung kháng cáo:

Theo Giấy vay tiền ngày 16/8/2019, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng, các bên thỏa thuận thời hạn vay là 30 (ba mươi) ngày với lãi suất là 2%/tháng; do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng và lãi từ ngày 16/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 20 tháng tương đương số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng, yêu cầu này đã được Tòa sơ thẩm tuyên chấp nhận toàn bộ. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng với lý do: nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 16/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng chứ không yêu cầu bị đơn thanh toán phần nợ lãi trên nợ gốc quá hạn, nợ lãi trên nợ lãi chưa thanh toán; ngoài ra, bị đơn còn cho rằng theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì mức lãi suất 2% tháng là vượt quá quy định nên phần vượt không có hiệu lực.

Qua xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, nhận thấy:

+ Về thời gian tính lãi: Thời điểm vay tiền là ngày 16/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 31/5/2021 là 21 tháng 15 ngày nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi trong thời hạn 20 tháng là có lợi cho bị đơn. Do đó, thời gian tính lãi sẽ là 20 tháng.

+ Về lãi suất: Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì ngoài phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc, bị đơn còn phải trả tiền lãi gồm: lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả, lãi trên nợ lãi chưa trả, lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả. Do đó, theo quy định tiền lãi được tính như sau:

* Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn (từ ngày 16/8/2019 đến ngày 16/9/2019): Ông C và bà L thỏa thuận mức lãi suất vay là 2%/tháng (tương ứng 24%/năm) là vượt quá quy định nên điều chỉnh lại theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm. Như vậy, số tiền lãi trong hạn bà L phải trả cho ông C ($1.500.000.000 \times 20\%/năm \times 30$ ngày) là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

* Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả = (nợ lãi chưa trả) x (lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc), cụ thể: $25.000.000$ đồng x 10%/năm x 19 tháng = 3.958.333 đồng, làm tròn là 3.958.000 (ba triệu chín trăm năm mươi tám ngàn) đồng.

* Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì mức lãi suất áp dụng tính lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 30% năm. Xét ông C chỉ yêu cầu bà L trả lãi 2%/tháng tức là 24%/năm ít hơn so với lãi quy định là có lợi cho bà L nên số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn bà L phải trả cho ông C ($1.500.000.000$ đồng x 2% x 19 tháng) là 570.000.000 (năm trăm bảy mươi triệu) đồng.

Tổng cộng số tiền lãi bà L phải trả cho ông C ($25.000.000$ đồng + $570.000.000$ đồng + $3.958.000$ đồng) là 598.958.000 (năm trăm chín mươi tám triệu chín trăm năm mươi tám ngàn) đồng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà L phải trả cho ông C số tiền lãi 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng là không đúng quy định nên cần sửa lại phần này, chỉ buộc bà L trả cho ông C số tiền lãi như trên. Như vậy, số tiền ông C yêu cầu bà L trả lãi nhưng không được chấp nhận là 1.042.000 (một triệu không trăm bốn mươi hai ngàn) đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L giữ nguyên kháng cáo chỉ đồng ý trả cho ông C số tiền lãi 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với việc bà L cho rằng đang gặp khó khăn về kinh tế, không có khả năng trả nợ một lần nên đề nghị trả dần số nợ vay trong thời hạn 05 năm. Xét thấy yêu cầu của bà L không được ông C đồng ý và gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của ông C nên không có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra, ông C có yêu cầu bổ sung buộc bà L phải trả cho ông tiền nợ gốc và lãi đến ngày xét xử phúc thẩm: Xét thấy theo đơn khởi kiện ông C chỉ yêu cầu bà L trả số tiền nợ vay tổng cộng là 2.100.000.000 (hai tỷ một trăm triệu) đồng (gồm: tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng và tiền lãi 600.000.000 đồng), yêu cầu của ông đã được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết và ông cũng không có kháng cáo nên phần này không xem xét.

Bên cạnh đó, tại phần Quyết định của Bản án sơ thẩm đã tuyên: "...Kể từ ngày ông Vũ Đình C có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Tạ Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả số tiền nói trên thì hàng tháng bà L còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền tính trên nghĩa vụ chi trả. Nếu các bên không có thỏa thuận thì lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn qui định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015". Xét thấy Hợp đồng vay giữa ông C và bà L có thỏa thuận trả lãi và Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bà L phải trả lãi đến ngày xét xử sơ thẩm nên lãi suất sẽ tiếp tục phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày thực trả hết nợ nhưng Bản án sơ thẩm tuyên lãi suất tiếp tục kể từ ngày ông C có đơn thi hành án là không đúng với hướng dẫn tại điểm a, khoản 1, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định. Tuy nhiên, phần này không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Viện kiểm sát căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự không xem xét đến nội dung này.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Không chấp nhận kháng cáo bị đơn bà Tạ Thị L.

- Sửa 1 phần Bản án dân sự sơ thẩm số 1495/2021/DS-ST ngày 31/5/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố T theo hướng: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đình C: Buộc bà Tạ Thị L phải trả cho ông Vũ Đình C số tiền tổng cộng là: 2.098.958.000đồng (trong đó nợ gốc: 1.500.000.000đồng và nợ lãi: 598.958.000đồng).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đình C đối với số tiền yêu cầu bà L trả lãi nhưng không được chấp nhận là 1.042.000 (một triệu không trăm bốn mươi hai ngàn) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Tạ Thị L phù hợp với quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và lời khai của các đương sự có cơ sở xác định ngày 16/8/2019 ông Vũ Đình C có cho bà Tạ Thị L vay số tiền 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng, thời hạn vay là 30 (ba mươi) ngày, lãi suất 2%/tháng nên đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; số tiền vay nói trên ông C và bà L xác nhận

đã giao nhận đủ theo ủy nhiệm chi tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. Trong quá trình tố tụng, bà L thừa nhận chưa trả vốn vay nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bà L có trách nhiệm trả cho ông C số tiền 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng, phần này các đương sự không kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Tạ Thị L đối với số tiền lãi phải trả cho nguyên đơn ông Vũ Đình C, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C xác định bà L chưa trả lãi, bà L cho rằng có trả 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng nhưng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở để xác định bà L đã thanh toán cho ông C số tiền lãi như đã nêu trên.

* Về lãi suất phải trả: Căn cứ nội dung thỏa thuận giữa ông C và bà L tại Giấy vay tiền ngày 16/8/2019 thì thời hạn vay số tiền 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng là 30 (ba mươi) ngày và theo ủy nhiệm chi tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam thể hiện bà L đã nhận số tiền vay nói trên vào ngày 16/8/2019 nên thời hạn bà L phải trả nợ gốc và lãi cho ông C như đã thỏa thuận là ngày 16/9/2019; tuy nhiên cho đến thời điểm hiện tại bà L vẫn chưa trả được nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà L phải trả lãi trên nợ gốc (trong hạn), lãi trên nợ gốc quá hạn và lãi trên nợ lãi trong hạn là phù hợp với khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do đó, bà L kháng cáo cho rằng nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 16/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng nên không đồng ý trả cho nguyên đơn phần nợ lãi trên nợ gốc quá hạn và nợ lãi trên nợ lãi chưa thanh toán là không có cơ sở.

* Về thời gian tính lãi: Trong giai đoạn tố tụng ở cấp sơ thẩm, ông C yêu cầu bà L trả lãi tròn 20 tháng, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi suất với tổng thời gian 21 tháng 15 ngày là vượt quá yêu cầu của nguyên đơn nên Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại phần này, cụ thể: Căn cứ theo Giấy vay tiền thì thời hạn vay là 30 ngày (01 tháng) nên thời gian tính nợ lãi trong hạn là 01 tháng (tính từ ngày 16/8/2019 đến ngày 16/9/2019) và thời gian tính nợ lãi quá hạn và nợ lãi trên nợ lãi trong hạn là 19 tháng. Đây cũng là đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm.

* Về mức lãi suất và số tiền lãi phải trả:

- Đối với lãi trong hạn: Ông C và bà L thỏa thuận mức lãi suất vay là 2%/tháng, tương ứng 24%/năm là vượt quá quy định nên Tòa án cấp sơ thẩm điều chỉnh lại 20% (tương ứng 1,66%/tháng) là phù hợp khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Như vậy, số tiền lãi trong hạn bà L phải trả cho ông C là 1.500.000.000 đồng x 1,66% x 1 tháng = 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

- Đối với lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: Theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì mức lãi suất áp dụng để tính lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 30%/năm, tuy nhiên ông C chỉ yêu cầu bà L trả lãi

(2%/tháng) 24%/năm là đảm bảo quyền lợi cho bà L nên số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn bà L phải trả cho ông C là 1.500.000.000 đồng x 2% x 19 tháng = 570.000.000 (năm trăm bảy mươi triệu) đồng.

- Đối với lãi suất áp dụng tính lãi trên nợ lãi trong hạn chưa trả: Do bà L có tranh chấp về lãi suất nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định mức lãi suất áp dụng để tính lãi trên nợ lãi trong hạn 10%/năm là phù hợp. Như vậy, số tiền lãi trên nợ lãi trong hạn bà L phải trả cho ông C là 25.000.000 đồng x 10%/năm x 19 tháng = 3.958.000 (ba triệu chín trăm năm mươi tám ngàn) đồng.

Tổng cộng số tiền lãi bà L phải trả cho ông C là 25.000.000 đồng + 570.000.000 đồng + 3.958.000 đồng = 598.958.000 (năm trăm chín mươi tám triệu chín trăm năm mươi tám ngàn) đồng.

Ngoài ra, bà L trình bày đang gặp khó khăn về kinh tế, không có khả năng trả nợ một lần nên bà đề nghị trả dần số nợ vốn và lãi trong thời hạn 05 năm, xét thấy yêu cầu của bà L như đã nêu trên gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông C nên không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích như đã nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, sửa một phần Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố T theo hướng không chấp nhận kháng cáo của bà L, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C.

Đối với phần đã tuyên tại phần Quyết định của Bản án sơ thẩm có nội dung: "... Kể từ ngày ông Vũ Đình C có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Tạ Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả số tiền nói trên thì hàng tháng bà L còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền tính trên nghĩa vụ chi trả. Nếu các bên không có thỏa thuận thì lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn qui định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015..." là chưa phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, do đó Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm điều chỉnh lại nội dung này cho phù hợp.

Đối với đề nghị của ông C (do bà H làm đại diện trình bày) tại phiên tòa phúc thẩm về việc yêu cầu bà L phải trả lãi cho ông C đến ngày xét xử phúc thẩm, đây là đề nghị mới phát sinh ở cấp phúc thẩm; tuy nhiên, theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì lãi suất sẽ tiếp tục phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày trả hết nợ. Do đó, đề nghị này sẽ được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm điều chỉnh trong phần Quyết định của Bản án.

[3]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Vũ Đình C phải chịu án phí đối với phần tiền lãi không được Hội đồng xét xử chấp nhận là 1.042.000 (một triệu

không trăm bốn mươi hai ngàn) đồng, tuy nhiên ông C là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; bị đơn bà Tạ Thị L phải chịu án phí trên tổng số tiền Hội đồng xét xử buộc phải trả cho nguyên đơn.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Tạ Thị L phải chịu án phí phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 26, Điều 147 và Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 465, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Tạ Thị L.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 1495/2021/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Đình C:

Buộc bà Tạ Thị L trả cho ông Vũ Đình C số tiền tổng cộng là 2.098.958.000 (hai tỷ không trăm chín mươi tám triệu chín trăm năm mươi tám ngàn) đồng (trong đó nợ gốc là 1.500.000.000 đồng và nợ lãi là 598.958.000 đồng). Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Vũ Đình C về việc yêu cầu bà Tạ Thị L phải trả số tiền phạt do vi phạm là 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tạ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 73.979.200 (bảy mươi ba triệu chín trăm bảy mươi chín ngàn hai trăm) đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Tạ Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0059307 ngày 08/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L không phải nộp thêm án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Tòa án nhân dân thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Bích Loan